

Số: 115 /BC-BTTTT

Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH
QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT VIỄN THÔNG VỀ
HOẠT ĐỘNG VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

A. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT VIỄN THÔNG VỀ HOẠT ĐỘNG VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng Nghị định

Hoạt động viễn thông công ích đã được luật hóa từ năm 2002 (tại Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông số 43/2002/PL-UBTVQH10 và Luật Viễn thông số 41/2009/QH12) và được triển khai liên tục từ năm 2006 đến nay thông qua các Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Mục đích chính sách viễn thông công ích nhằm rút ngắn khoảng cách số giữa các vùng miền/đồi tượng, hỗ trợ người dân tại các vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ viễn thông.

Mặc dù được thực hiện từ năm 2006, việc triển khai hoạt động viễn thông công ích còn nhiều bất cập: (1) chưa có chính sách phù hợp để hỗ trợ phát triển hạ tầng viễn thông; (2) hiện nay trên cả nước còn nhiều vùng lõm sóng, chưa có dịch vụ viễn thông nên người dân tại đây chưa có cơ hội sử dụng dịch vụ viễn thông; (3) một số đối tượng được hỗ trợ (gia đình chính sách xã hội và các đối tượng chính sách đặc biệt khác) chưa được làm rõ nội hàm; (4) giai đoạn dịch Covid-19 vừa qua, nhiều doanh nghiệp viễn thông, theo lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ và Bộ TTTT, đã đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông tại các vùng lõm sóng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ viễn thông nhưng chưa được hỗ trợ nên cần có văn bản hướng dẫn. Mặt khác, hiện nay còn nhiều thôn lõm sóng dịch vụ viễn thông di động, dịch vụ truy nhập internet băng rộng cố định, nếu kinh doanh không thì doanh nghiệp không có hiệu quả, cần nhà nước hỗ trợ để phổ cập dịch vụ viễn thông. Trong dự thảo Nghị định được xây dựng có nội dung tháo gỡ các khó khăn này.

Bên cạnh đó, Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại kỳ họp thứ 6 và được Chủ tịch nước công bố tại Lệnh số 11/2023/L-CTN ngày 01 tháng 12 năm 2023, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024. Tại Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 6. Theo đó, Bộ TTTT được giao chủ trì xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định).

Từ nội dung báo cáo trên, việc ban hành Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích là cần thiết để tạo hành lang pháp lý ổn định qua các giai đoạn thực hiện các chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích; hướng dẫn chi tiết những nội dung mới; đồng thời tháo gỡ những vướng mắc do tính chất đặc thù của lĩnh vực viễn thông và khác biệt về tính chất nguồn vốn (không phải ngân sách) mà không áp dụng được các quy định pháp luật hiện hành.

Dự thảo Nghị định tập trung vào các chính sách lớn: (1) quy định chi tiết về thực hiện các phương thức cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ thiết bị đầu cuối; (2) chính sách miễn, giảm đóng góp vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam (sau đây gọi tắt là Quỹ); (3) cơ chế quản lý sử dụng Quỹ cho hoạt động viễn thông công ích; (4) thời gian hỗ trợ liên tục trong việc cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông công ích; (5) làm rõ các đối tượng chính sách xã hội và các đối tượng chính sách đặc biệt khác được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ thiết bị đầu cuối.

2. Mục tiêu xây dựng Nghị định

- Tạo căn cứ pháp lý và tháo gỡ những khó khăn trong thời gian qua đảm bảo tính khả thi khi thực hiện một số chính sách viễn thông công ích (có tính đặc thù riêng);

- Bảo đảm việc triển khai, thực hiện chính sách về viễn thông công ích có tính minh bạch, thống nhất, ổn định, liên tục, hiệu quả và phù hợp, đồng bộ với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành;

- Quy định chi tiết một số nội dung được Luật Viễn thông năm 2023 giao. Nhằm tiếp tục cụ thể hóa chính sách thực hiện hoạt động viễn thông công ích của Đảng và Nhà nước đã được Quốc hội thông qua tại Luật Viễn thông và giao Chính phủ quy định.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH

Để đạt được các mục tiêu như đã đặt ra ở trên, dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều về viễn thông công ích và biện pháp thi hành Luật Viễn thông tập trung vào các nhóm chính sách lớn.

1. Chính sách 1: Quy định về phương thức hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Hoạt động viễn thông công ích được thực hiện để: (1) Hỗ trợ cho doanh nghiệp viễn thông thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích; (2) Hỗ trợ các đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích; và (3) Hỗ trợ thiết bị đầu cuối bằng tiền hoặc hiện vật cho các đối tượng được hỗ trợ.

Trong thời gian qua, việc hỗ trợ các đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích (hộ nghèo, hộ cận nghèo, các trường học, bệnh viện) thông qua doanh nghiệp viễn thông đã được thực hiện, góp phần giảm khoảng cách số giữa các vùng miền, giúp bà con có cơ hội truy cập thông tin phục vụ xoá đói giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, việc hỗ trợ doanh nghiệp phát triển hạ tầng viễn thông để cung cấp dịch vụ viễn thông tại khu vực biên giới, miền núi, vùng cao, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các khu vực khó có khả năng kinh doanh hiệu quả theo cơ chế thị trường chưa được thực hiện¹. Lý do của việc này là: (1) chưa cơ chế, chính sách phù hợp để thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông; (2) về công tác đấu thầu: chưa có quy định cơ sở lập dự toán để làm căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu; (3) cơ chế phân cấp quản lý giữa cấp Trung ương và địa phương mới thực hiện ở cấp độ thông tư và quyết định của TTCP, cần phân cấp ở một hành lang đủ mạnh. Cụ thể là:

Trong giai đoạn 2016-2020 là do: Nguồn vốn của Quỹ không hình thành từ ngân sách nhà nước nhưng khi sử dụng lại phải tuân thủ theo quy định pháp luật như đối với vốn ngân sách nhà nước và các quy định về đầu tư công, về quản lý sử dụng tài sản công. Khi doanh nghiệp viễn thông tiếp nhận bàn giao tài sản công (hạ tầng viễn thông) sẽ làm tăng vốn chủ sở hữu và làm giảm tỷ suất lợi nhuận. Bên cạnh đó, doanh nghiệp viễn thông phải tự bỏ chi phí để duy trì và quản lý hạ tầng viễn thông này, cũng làm chi phí hoạt động tăng lên, ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp.

Khắc phục bất cập này, Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2021-2025 đã chuyển sang hình thức hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích để bù đắp chi phí cho doanh nghiệp viễn thông phát triển, nâng cấp, duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông. Tuy nhiên, cả hai phương thức đấu thầu, đặt hàng cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cũng gặp các khó khăn, vướng mắc sau:

¹ Mặc dù các Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích do Thủ tướng Chính phủ ban hành (Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2016-2020, Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2021-2025) đều dành một nguồn kinh phí lớn để thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, duy trì hạ tầng viễn thông (chiếm khoảng 45-50% tổng kinh phí chương trình).

Đối với phương thức đấu thầu: Để tổ chức đấu thầu cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích thì phải xác định dự toán chi phí cung cấp dịch vụ (bao gồm: chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí duy trì vận hành). Tuy nhiên việc thẩm định giá trị dự toán công trình lại thực hiện theo pháp luật về xây dựngl mặt khác, nội dung hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông là hỗ trợ chi phí cung cấp dịch vụ viễn thông, không hình thành dự án nên Bộ Xây dựng sẽ không thực hiện thẩm định giá trị dự toán xây dựng công trình. Do vậy sẽ không có cơ quan nào thẩm định giá trị dự toán công trình để làm cơ sở xác định chi phí khấu hao trong dự toán để đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ.

Đối với phương thức đặt hàng: Theo quy định sử dụng ngân sách nhà nước để đặt hàng cung cấp dịch vụ công ích, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phải lập phương án giá và được Bộ Tài chính ban hành giá tối đa, Bộ TTTT ban hành giá cụ thể để đặt hàng. Tuy nhiên, để xây dựng được phương án giá và ban hành giá cung cấp dịch vụ cho một khu vực thì phải xác định chi phí khấu hao tài sản cố định tại khu vực cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, chi phí duy trì, vận hành khai thác công trình cung cấp dịch vụ.

Việc doanh nghiệp xây dựng phương án giá dịch vụ cung cấp cho từng khu vực, cho từng địa bàn thôn bản là không thực hiện được; pháp luật viễn thông chỉ quy định xây dựng được phương án giá cho người sử dụng dịch vụ và giá giữa các doanh nghiệp viễn thông.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tháo gỡ các khó khăn về cơ chế (đặc thù ngành) để hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập;
- Nâng cao hiệu quả sử dụng tài chính từ nguồn Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam;
- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư phát triển, nâng cấp, duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông để cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại các vùng phổ cập dịch vụ viễn thông.

1.3. Giải pháp giải quyết vấn đề

a) Đối với phương thức đấu thầu:

Căn cứ các quy định tại Luật Đấu thầu (Nghị định số 24/2024/NĐ-CP) trong việc lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo phù hợp với đặc thù Ngành. Cụ thể là:

- *Tên giải pháp:* Xây dựng dự toán mua sắm, dự toán sơ bộ làm căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- *Nội dung giải pháp:*

Bộ TTTT tổ chức lập kế hoạch và dự toán mua sắm dịch vụ viễn thông công ích thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích. Trên cơ sở dự

toán mua sắm được giao, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam lập dự toán sơ bộ, báo cáo Bộ TTTT phê duyệt. làm cơ sở lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Dự toán sơ bộ được lập căn cứ vào một trong các căn cứ sau: (i) Báo giá của ít nhất một doanh nghiệp theo cấu trúc báo giá do bên mời thầu quy định; (ii) Mức hỗ trợ doanh nghiệp theo thiết kế tiêu chuẩn công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập; (iii) Số liệu của các công trình cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập đã được thực hiện trong vùng trước đó; (iv) Kết hợp các căn cứ.

Căn cứ kế hoạch lựa chọn nhà thầu được Bộ TTTT phê duyệt, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam tổ chức đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về đấu thầu. *Trong đó, hợp đồng áp dụng hình thức hợp đồng theo kết quả đầu ra.* Trường hợp áp dụng các hợp đồng khác trong đề xuất phải đề ra các biện pháp quản lý, đảm bảo tính khả thi và đảm bảo nguyên tắc hỗ trợ.

Các doanh nghiệp viễn thông trúng thầu thực hiện gói thầu theo hợp đồng kết quả đầu ra. Hợp đồng theo kết quả đầu ra, ngoài các nội dung về địa điểm, hồ sơ hoàn công theo từng địa điểm đầu tư, thời gian bắt đầu cung cấp dịch vụ, biên bản nghiệm thu, công bố chất lượng dịch vụ, phải bao gồm các nội dung về báo cáo quyết toán công trình. Trong đó báo cáo chi tiết giá trị các thành phần cấu thành công trình hạ tầng, bao gồm: nguyên giá, giá trị còn lại, thời gian khấu hao còn lại; Chi phí duy trì công trình (theo định mức chi phí duy trì vận hành do Bộ TTTT ban hành); Doanh thu giảm trừ.

- *Điều kiện thực hiện giải pháp:* Doanh nghiệp viễn thông phải báo cáo số liệu của các công trình cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập đã được thực hiện trong vùng trước đó; báo cáo quyết toán công trình.

- *Ý nghĩa của giải pháp:* Không phải lập dự toán chi tiết khi lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu; đáp ứng nhu cầu phát triển đa dạng thực tiễn của hoạt động viễn thông công ích trên nhiều khu vực.

b) Đối với phương thức đặt hàng

- *Tên giải pháp:* Quy định mức hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

- *Nội dung giải pháp:*

Để giải quyết tồn tại, vướng mắc hiện nay khi áp dụng quy định chung về đặt hàng tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, tại dự thảo Nghị định này sẽ quy định việc đặt hàng được căn cứ mức hỗ trợ do Bộ TTTT ban hành (không phải lập, thẩm định, ban hành giá). Cụ thể:

Căn cứ thiết kế tiêu chuẩn công trình hạ tầng, định mức chi phí khấu hao, định mức chi phí duy trì đã được Bộ TTTT ban hành, Bộ TTTT sẽ ban hành mức hỗ trợ để làm căn cứ đặt hàng theo công thức:

Mức hỗ trợ doanh nghiệp = Chi phí duy trì công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập - Doanh thu cung cấp dịch vụ viễn thông phát sinh tại khu vực được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập.

Trong đó:

(i) Chi phí duy trì công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập: Theo định mức chi phí duy trì công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập do Bộ TTTT ban hành.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ viễn thông phát sinh tại khu vực được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập do các doanh nghiệp báo cáo theo hướng dẫn của Bộ TTTT.

- *Điều kiện thực hiện giải pháp:*

Bộ TTTT công bố thiết kế tiêu chuẩn công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập; tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cho công tác quản lý của cơ quan nhà nước.

- *Ý nghĩa của giải pháp:* Không phải xây dựng phương án giá cho từng thôn/bản để đặt hàng; nâng cao trách nhiệm báp cáo, giải trình của doanh nghiệp.

c) Đối với phương thức giao nhiệm vụ

- *Tên giải pháp:* Thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ đối với hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đặc thù tại khu vực biển đảo mà không thể thực hiện đấu thầu.

- *Nội dung giải pháp:*

Các trường hợp giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp thực hiện là các địa bàn, khu vực chỉ có 01 doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ. Do đó, với đặc thù của lĩnh vực viễn thông hiện nay, đề xuất quy định trường hợp giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp thực hiện là cung cấp dịch vụ đến khu vực các đảo, nhà giàn chưa có dịch vụ đến thời điểm triển khai.

Khi thực hiện phương thức này, các doanh nghiệp được giao nhiệm vụ lập phương án kỹ thuật cung cấp dịch vụ và dự toán kinh phí báo cáo Bộ TTTT phê duyệt. Doanh nghiệp báo cáo kết quả thực hiện và được thanh toán theo thực tế thực hiện.

- *Điều kiện thực hiện giải pháp:* Doanh nghiệp phải lập phương án kỹ thuật cung cấp dịch vụ, dự toán kinh phí và báo cáo chi phí thực tế thực hiện.

- *Ý nghĩa của giải pháp:* Hoàn thiện cơ sở pháp lý làm cơ sở thực hiện phương thức giao nhiệm vụ đối với hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

a) *Tác động kinh tế:*

* Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: Cơ quan quản lý nhà nước cần phải điều chỉnh để đảm bảo đáp ứng yêu cầu quản lý thực thi khi thay đổi chính sách;
- Đối với Doanh nghiệp: Cần thời gian để tìm hiểu, triển khai;
- Đối với Người dân: Không có.

* Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: Đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển hạ tầng viễn thông, thúc đẩy phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng tại các vùng sâu vùng xa hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội, tạo công ăn việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp², bảo đảm an ninh quốc phòng tại các vùng biên giới, hải đảo;

- Đối với Doanh nghiệp:

- + Giảm thiểu gánh nặng, chi phí trong việc phát triển, duy trì hạ tầng viễn thông cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;

+ Cơ hội mở rộng thị trường, khách hàng;

- Đối với Người dân: Có cơ hội sử dụng các dịch vụ viễn thông thiết yếu, đảm bảo công bằng xã hội, qua đó nâng cao chất lượng cuộc sống, hỗ trợ việc sản xuất, kinh doanh, học tập.

b) Tác động xã hội:

* Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: Không có;
- Đối với Doanh nghiệp: Không có;
- Đối với Người dân: Không có;

* Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước:

- + Đảm bảo chính sách an sinh xã hội, hạn chế bất bình đẳng trong xã hội.
- + Hỗ trợ phát triển giáo dục, thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng miền;
- + Đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Đối với Doanh nghiệp: Tạo thêm thị trường, việc làm.

² Theo một nghiên cứu năm 2012 của Liên minh Viễn thông Quốc tế (International Telecommunication Union-ITU), việc phát triển hạ tầng băng rộng sẽ đóng góp vào phát triển kinh tế và giảm tỷ lệ thất nghiệp của địa phương. Cụ thể như, tại Indonesia cứ tăng trưởng 1% hộ gia đình sử dụng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng thì tỷ lệ thất nghiệp giảm 8,61%. Tại Malaysia, cứ tăng trưởng 10% tỷ lệ sử dụng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng thì sẽ đóng góp 0,7% vào tốc độ tăng trưởng GDP quốc gia. Một nghiên cứu khác về mối quan hệ giữa phát triển dịch vụ truy nhập Internet băng rộng với phát triển kinh tế và tạo công ăn việc làm tại Mỹ của Deloitte năm 2012 chỉ ra rằng cứ tăng trưởng 10% tỷ lệ sử dụng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng tại Mỹ năm 2014 sẽ tạo ra 875.000 việc làm và đóng góp 186 tỷ đôla vào sản lượng nền kinh tế trong năm 2019.

- Đối với Người dân: Người dân sẽ có cơ hội tìm hiểu các thông tin, chính sách của Nhà nước trên môi trường mạng, giúp các hộ gia đình, người dân tự phát triển kinh tế gia đình, qua đó thúc đẩy việc giảm nghèo tại các vùng sâu, vùng xa.

c) *Tác động về giới:* Không có tác động. Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt;

d) *Tác động về thủ tục hành chính:* Nhà nước phải chuẩn hóa các thủ tục, biểu mẫu, quy trình để quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;

đ) *Tác động tới hệ thống pháp luật:*

- Tuân thủ các quy định và phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành.

- Việc quy định hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích không tác động nhiều đến hệ thống pháp luật, không bị trùng chéo, trùng lặp, xung đột cản trở hệ thống pháp luật khác (Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Viễn thông, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP).

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Từ những phân tích trên, việc quy định chi tiết về phương thức hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích sẽ tạo hành lang pháp lý ổn định qua các giai đoạn thực hiện các chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích; hướng dẫn chi tiết những nội dung mới; đồng thời tháo gỡ những vướng mắc do tính chất đặc thù của lĩnh vực viễn thông và khác biệt về tính chất nguồn vốn (không phải ngân sách cấp phát) mà không áp dụng được các quy định pháp luật hiện hành.

2. Chính sách 2: Chính sách miễn, giảm đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông vào Quỹ.

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Từ khi hoạt động viễn thông công ích được luật hóa năm 2002 (Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông) và Quỹ đi vào hoạt động từ năm 2006 đến nay, các doanh nghiệp viễn thông đều thực hiện nghĩa vụ đóng góp vào Quỹ. Mặc dù tỷ lệ đóng góp vào Quỹ được điều chỉnh tương ứng với mục tiêu phát triển từng giai đoạn, bao gồm điều chỉnh tỷ lệ đóng góp của các loại hình dịch vụ viễn thông và điều chỉnh đối tượng doanh nghiệp đóng góp vào Quỹ³, nhưng chưa có quy định về

³- Giai đoạn 2006-2010: tỷ lệ thu là 5% doanh thu dịch vụ viễn thông di động; 4% doanh thu dịch vụ điện thoại đường dài quốc tế, dịch vụ thuê kênh đường dài quốc tế; 3% doanh thu dịch vụ điện thoại đường dài trong nước, dịch vụ thuê kênh đường dài trong nước.

- Giai đoạn 2011-2014: Tạm dừng thu.

- Giai đoạn 2015-2018: tỷ lệ thu là 1,5% doanh thu dịch vụ viễn thông của các doanh nghiệp có hạ tầng mạng; 1,5% doanh thu điện thoại quốc tế chiều về. Giai đoạn 2018-2020 điều chỉnh là 0,7% doanh thu dịch vụ viễn thông của các doanh nghiệp có hạ tầng mạng.

- Giai đoạn từ 2021-nay: Tạm dừng thu.

miễn, giảm đóng góp đối với các doanh nghiệp viễn thông, đặc biệt miễn giảm đối với các doanh nghiệp mới tham gia thị trường viễn thông.

Tại khoản 2 Điều 32 Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 quy định “*Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích, bao gồm mức đóng góp tối đa, đối tượng được miễn, giảm đóng góp vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam*”.

Việc miễn, giảm các khoản đóng góp sẽ hỗ trợ cho doanh nghiệp viễn thông có điều kiện tập trung nguồn lực để “khuyến khích doanh nghiệp tư nhân có đủ năng lực tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông và các hạ tầng khác cho chuyển đổi số quốc gia” theo chủ trương của Đảng. Bên cạnh đó, trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế của một số nước có quy định miễn, giảm đóng góp cho doanh nghiệp viễn thông vào quỹ phổ cập dịch vụ viễn thông công ích⁴, Bộ TTTT đề xuất miễn, giảm đóng góp vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam cho đối tượng là các doanh nghiệp viễn thông không có hạ tầng mạng, mới tham gia thị trường cung cấp dịch vụ viễn thông.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo điều kiện cạnh tranh trên thị trường viễn thông.
- Hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông mới tham gia thị trường có thời gian tích luỹ và đủ nguồn lực tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông và các hạ tầng khác cho chuyển đổi số quốc gia;
- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực viễn thông, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, chính phủ số.

2.3. Giải pháp giải quyết vấn đề

- *Tên giải pháp:* Miễn, giảm đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông vào Quỹ.

- Nội dung giải pháp:

Trên cơ sở tham khảo, vận dụng chính sách miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp công nghệ cao, Bộ TTTT đề xuất chính sách, miễn giảm như sau:

- + Miễn 02 năm đối với doanh nghiệp mới tham gia thị trường cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng kể từ ngày được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông;
- + Giảm 50% mức đóng góp cho 01 năm tiếp theo cho các doanh nghiệp hết thời gian miễn.

⁴ Tại một số nước trên thế giới có quy định về việc miễn đóng góp vào quỹ phổ cập dịch vụ viễn thông, ví dụ như Úc miễn nghĩa vụ đóng góp cho các doanh nghiệp viễn thông có doanh thu dịch vụ viễn thông dưới 25tr đôla Úc; Malaysia miễn đóng góp đối với các doanh nghiệp viễn thông có doanh thu dịch vụ viễn thông dưới 2 triệu RM.

- *Điều kiện thực hiện giải pháp:* Không có.
- *Ý nghĩa thực hiện giải pháp:* Hỗ trợ doanh nghiệp có thời gian tích lũy, phát triển.

2.4. Đánh giá tác động của giải pháp

a) Tác động kinh tế:

* Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: Phải xác định nguồn thu của Quỹ không bao gồm đối tượng được miễn, giảm⁵;
- Đối với Doanh nghiệp: Nghĩa vụ đóng góp vào Quỹ của các doanh nghiệp viễn thông khác có thể bị ảnh hưởng, tuy nhiên không nhiều.

- Đối với Người dân: Không có;

* Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: Thúc đẩy đầu tư vào lĩnh vực viễn thông, qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, chính phủ số;
- Đối với Doanh nghiệp: Các doanh nghiệp viễn thông mới không có hạ tầng mạng có thời gian tích lũy kinh nghiệm, phát triển thi trường, nâng cao trình độ chuyên môn, nâng cao năng lực cạnh tranh;
- Đối với Người dân: Không có;

b) Tác động xã hội:

* Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: Không có;
- Đối với Doanh nghiệp: Không có;
- Đối với Người dân: Không có;

* Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: Thể hiện cam kết của Chính phủ trong hỗ trợ, đồng hành phát triển cùng doanh nghiệp;
- Đối với Doanh nghiệp: Hỗ trợ doanh nghiệp mới tham gia thị trường;
- Đối với Người dân: Không có;

c) Tác động về giới: Không có tác động (do chính sách được áp dụng chung), không mang tính phân biệt;

d) Tác động về thủ tục hành chính: Không có;

⁵ Doanh số được tính để xác định nghĩa vụ đóng góp vào Quỹ của các doanh nghiệp viễn thông không có hạ tầng mạng trong 03 năm 2020-2022 chiếm khoảng 1% tổng doanh số dịch vụ viễn thông phải đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông.

đ) *Tác động tới hệ thống pháp luật:* Không có;

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Từ những phân tích nêu trên, dự thảo Nghị định đề nghị thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông như phương án trên đem lại nhiều tác động tích cực, hiệu quả thực thi cao hơn, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý và phù hợp với thông lệ quốc tế.

3. Chính sách 3: Quy định về tính liên tục đối với việc hỗ trợ cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông công ích.

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Các chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, thực hiện từ năm 2006 đến nay, đều được triển khai theo các giai đoạn 05 năm. Khi chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn trước hết thời gian thực hiện, việc hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích cho các đối tượng đang được hỗ trợ bị dừng lại, chờ chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích mới được TTCP phê duyệt. Để tiếp tục hỗ trợ cho các đối tượng này sử dụng dịch vụ viễn thông công ích (trong khi chờ chương trình mới), Bộ TTTT phải làm công văn báo cáo Thủ tướng Chính phủ và ban hành văn bản hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông, địa phương. Như vậy dẫn đến việc mất nhiều thời gian, công sức xây dựng các văn bản, thủ tục để việc hỗ trợ không bị gián đoạn giữa các chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

Bên cạnh đó, việc hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích thường không được thực hiện từ đầu chương trình và thường không đủ thời gian để bù đắp chi phí nên cũng ảnh hưởng đến việc triển khai xây dựng hạ tầng viễn thông cũng như chiến lược phát triển của doanh nghiệp.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo xác định được thời gian hỗ trợ, làm cơ sở để doanh nghiệp xây dựng chiến lược kinh doanh (xây dựng, phát triển hạ tầng viễn thông), qua đó ổn định trong việc hỗ trợ người dân.

- Đảm bảo các đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích xác định được thời gian hỗ trợ, chủ động xác định kinh phí sử dụng.

3.3. Giải pháp giải quyết vấn đề

a) *Đối với trường hợp đầu thầu và giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.*

- *Tên giải pháp:* Hỗ trợ doanh nghiệp 5 năm liên tục chi phí khấu hao công trình cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập khi đầu tư phổ cập dịch vụ viễn thông.

- *Nội dung giải pháp:*

+ Các doanh nghiệp viễn thông sẽ được hỗ trợ 05 năm liên tục kể từ tháng tiếp theo tháng đưa công trình vào cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (đối với đấu thầu), hoặc kể từ thời điểm được tính hỗ trợ (đối với giao nhiệm vụ); trường hợp thời gian còn lại của Chương trình không đủ 05 năm thì thời gian chưa được hỗ trợ sẽ tiếp tục được bố trí kinh phí để chuyển tiếp sang thực hiện trong Chương trình giai đoạn tiếp theo;

+ Sau thời gian hỗ trợ 05 năm, doanh nghiệp tiếp tục được hỗ trợ chi phí duy trì cho đến hết thời gian còn lại của Chương trình đang thực hiện nếu vẫn thuộc diện được hỗ trợ.

- *Điều kiện thực hiện giải pháp:* Doanh nghiệp phải trúng thầu hoặc được Bộ TTTT giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

- *Ý nghĩa thực hiện giải pháp:* Doanh nghiệp yên tâm đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông phù hợp với chiến lược phát triển của mình.

b) Đối với trường hợp hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích

- *Tên giải pháp:* Kéo dài thời gian hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích

- Nội dung giải pháp:

+ Các đối tượng đang được hỗ trợ năm trước liền kề nhưng trong năm tiếp theo chưa được cấp có thẩm quyền xác nhận thuộc đối tượng, thì được tiếp tục hỗ trợ không quá 03 tháng trong năm năm tiếp theo này;

+ Trong trường hợp kết thúc Chương trình giai đoạn trước, các đối tượng đang được hỗ trợ của Chương trình khi được cấp có thẩm quyền xác nhận thuộc đối tượng, thì được tiếp tục duy trì hỗ trợ cho đến khi thực hiện Chương trình giai đoạn mới.

- *Điều kiện thực hiện giải pháp:* Có xác nhận thuộc đối tượng hỗ trợ của cấp có thẩm quyền.

- *Ý nghĩa thực hiện giải pháp:* Giúp các đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích xác định được thời gian hỗ trợ để chủ động về kinh phí sử dụng dịch vụ khi không còn là đối tượng được hỗ trợ.

3.4. Đánh giá tác động của giải pháp

a) Tác động kinh tế:

* Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: Không có;

- Đối với Doanh nghiệp: Không có;

- Đối với Người dân: Không có;

* Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: Đảm bảo chính sách viễn thông công ích thực hiện có hiệu quả, tránh gây xáo trộn/thay đổi trong việc hỗ trợ đối tượng sử dụng và hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;
- Đối với Doanh nghiệp: Xác định được kế hoạch kinh doanh và các chi phí thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;
- Đối với Người dân: Giúp người dân xác định thời gian được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập.

b) Tác động xã hội:

* Tác động tiêu cực: Không

- Đối với Nhà nước: Việc xác nhận đối tượng được hỗ trợ của địa phương nếu bị chậm, muộn sẽ ảnh hưởng đến việc sử dụng dịch vụ viễn thông công ích của đối tượng được hỗ trợ.

- Đối với Doanh nghiệp: Không có;

- Đối với Người dân: Không có;

* Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: Cụ thể hóa chính sách, giảm thời gian sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật;

- Đối với Doanh nghiệp: Không bị xáo trộn tập khách hàng đang hỗ trợ.

- Đối với Người dân: Được sử dụng dịch vụ viễn thông công ích liên tục.

- c) Tác động về giới:* Không có tác động vì chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

d) Tác động về thủ tục hành chính: Không có;

đ) Tác động tới hệ thống pháp luật: Không có.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Từ những phân tích trên, Dự thảo Nghị định lựa chọn sửa đổi theo phương án nêu trên là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, hiệu quả thực thi cao hơn, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý.

Chính sách 4: Quy định về các đối tượng chính sách xã hội và các đối tượng chính sách đặc biệt khác.

4.1. Xác định vấn đề bất cập

Mục đích chính sách cung cấp dịch vụ viễn thông công ích của Nhà nước là nhằm hỗ trợ các đối tượng yếu thế được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ viễn thông công ích đảm bảo chính sách an sinh xã hội của mỗi quốc gia và hỗ trợ phát triển kinh tế vùng miền. Pháp lệnh ưu đãi người có công không quy định người có công được hưởng chính sách phổ cập dịch vụ viễn thông. Tuy nhiên, những người có

công với cách mạng, những gia đình chính sách xã hội là những người có đóng góp cho đất nước, là những người bị thiệt thòi, yếu thế thì chưa được quy định tại văn bản nào (cấp nghị định) là đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích. Việc xác định đối tượng được hỗ trợ trong dự thảo Nghị định này nhằm làm cơ sở, định hướng cho việc xác định rõ đối tượng trong các chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và đảm bảo thực hiện hỗ trợ đúng đối tượng.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Xác định các đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích làm cơ sở thực hiện các chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

- Xác định mức độ ưu tiên để hỗ trợ.

4.3. Giải pháp giải quyết vấn đề

- *Tên giải pháp:* Hỗ trợ đối tượng chính sách xã hội và các đối tượng chính sách đặc biệt khác.

- *Nội dung giải pháp:*

Dự thảo Nghị định quy định đối tượng được hỗ trợ là: các hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình có thành viên đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng. Đối với các đối tượng chính sách đặc biệt khác dự thảo Nghị định giao Thủ tướng Chính phủ quyết định trong Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

- *Điều kiện thực hiện giải pháp:* không có.

- *Ý nghĩa thực hiện giải pháp:* Giúp làm rõ đối tượng và xác định thứ tự ưu tiên hỗ trợ.

4.4. Đánh giá tác động của giải pháp

a) Tác động kinh tế:

- * Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: Phải quản lý hỗ trợ cho nhiều loại đối tượng;

- Đối với Doanh nghiệp: Tác động đến mức đóng góp vào Quỹ do mở rộng đối tượng được hỗ trợ;

- Đối với Người dân: Không có;

- * Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: Đảm bảo thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ phát triển kinh tế.

- Đối với Doanh nghiệp: Mở rộng tập khách hàng, thị trường;

- Đối với Người dân: Có cơ hội sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập;

b) Tác động xã hội:

* Tác động tiêu cực: Không có

- Đối với Nhà nước: Việc quản lý đối tượng được hỗ trợ sẽ phức tạp hơn do quy mô đối tượng lớn;

- Đối với Doanh nghiệp: Không có;

- Đối với Người dân: Không có;

* Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: Đảm bảo thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội.

- Đối với Doanh nghiệp: Không có;

- Đối với Người dân: Được hưởng thêm chính sách của Đảng và Nhà nước.

c) *Tác động về giới*: Không có;

d) *Tác động về thủ tục hành chính*: Không có;

đ) *Tác động tới hệ thống pháp luật*: Không có.

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Từ những phân tích trên, Dự thảo Nghị định lựa chọn sửa đổi theo giải pháp nêu trên.

B. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cơ quan giám sát: Quốc hội, Ủy ban thường vụ quốc hội; Hội đồng dân tộc; Ủy ban của Quốc hội; đại biểu Quốc hội.

2. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách: Chính phủ, Bộ TTTT, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan.

Trên đây là nội dung Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích, Bộ TTTT xin báo cáo Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thủ trưởng Nguyễn Huy Dũng;
- Vụ PC;
- Cục Viễn thông;
- Quỹ Dịch vụ VTCI Việt Nam;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Nguyễn Huy Dũng